

BẢN SAO

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 07/73 Quyển số 01 SCT/BS

Ngày tháng năm 2015

Chủ tịch UBND Phường An Cư



Dùi Chi Lê

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 26
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 25
Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước	26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, được thành lập theo quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Phương án, điều lệ chuyển đổi Công ty Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ thành Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ và Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (thay thế điều lệ cũ) của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800271113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 8 năm 2010.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.264.015.048 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây lắp, duy tu và sửa chữa các công trình;
- Cho thuê xe có động cơ, cho thuê máy móc và các đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ đô thị.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Chủ tịch công ty và kiểm soát viên trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Quốc Chính	Chủ tịch	Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2014
Ông Đặng Minh Khiết	Kiểm soát viên	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Quốc Bửu	Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc	
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Thanh Phong

Số: *ML01*/2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoàng Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: info@namviet.com.vn Web: www.namviet.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.808.051.132	51.144.359.948
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.260.547.193	27.251.570.256
1.	Tiền	111	V.01	27.260.547.193	9.234.206.626
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	18.017.363.630
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.256.367.533	21.332.786.184
1.	Phải thu khách hàng	131		9.608.003.984	19.997.958.583
2.	Trả trước cho người bán	132		62.941.000	854.279.165
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	585.422.549	480.548.436
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		439.689.700	1.713.370.508
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	439.689.700	1.713.370.508
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		851.446.706	846.633.000
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	92.284.106	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	759.162.600	846.633.000

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.187.751.908	83.790.511.693
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		82.854.449.989	75.094.415.301
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	38.942.884.099	40.433.486.609
	- Nguyên giá	222		68.063.663.674	87.042.703.582
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.120.779.575)	(46.609.216.973)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.057.171.400	6.200.290.900
	- Nguyên giá	228		2.057.171.400	6.200.290.900
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	41.854.394.490	28.460.637.792
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		7.333.301.919	8.696.096.392
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	7.333.301.919	8.696.096.392
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.995.803.040	134.934.871.641

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		16.191.994.802	27.685.059.655
I.	Nợ ngắn hạn	310		16.183.994.802	27.297.671.655
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		4.018.917.665	730.173.632
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	1.367.410.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.232.829.939	1.785.523.867
5.	Phải trả người lao động	315		3.805.898.888	12.391.285.542
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	4.559.569.098	948.247.299
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.566.779.212	10.075.031.315
II.	Nợ dài hạn	330		8.000.000	387.388.000
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		8.000.000	387.388.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.803.808.238	107.249.811.986
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.12	112.803.808.238	107.249.811.986
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.881.417.672	56.881.417.672
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.507.241.675	12.120.112.078
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		6.008.461.451	6.008.461.451
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.495.222.244	3.495.222.244
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.499.023.787	4.682.654.787
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		859.488.636	-
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		36.552.952.773	24.061.943.754
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.995.803.040	134.934.871.641

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	USD		-	-
	EUR		-	-
	JPY		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu



Lê Thanh Hiếu



Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	115.910.083.014	152.102.177.016
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.300.000	6.200.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	115.908.783.014	152.095.977.016
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	102.854.363.774	120.861.534.932
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.054.419.240	31.234.442.084
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.099.528.695	1.895.430.174
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	38.658.713	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		38.658.713	-
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.692.324.316	17.081.540.004
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.422.964.906	16.048.332.254
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.463.162.236	1.722.512.272
12.	Chi phí khác	32	VI.08	750.877.554	1.446.488.892
13.	Lợi nhuận khác	40		712.284.682	276.023.380
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.135.249.588	16.324.355.634
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	361.756.330	4.701.687.809
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.773.493.258	11.622.667.825

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu



Lê Thanh Hiếu



Trần Thanh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		133.806.850.406	140.842.490.783
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(80.982.417.526)	(74.551.227.555)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.984.874.418)	(56.392.419.595)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(38.658.713)	-
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(1.784.804.260)	(5.549.186.839)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.277.976.731	2.778.575.905
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.637.518.558)	(25.352.507.866)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.656.553.662	(18.224.275.167)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(19.606.594.056)	(11.097.651.054)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		859.488.636	201.872.727
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.099.528.695	2.010.774.014
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.647.576.725)	(8.885.004.313)

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.742.146.254
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	10.742.146.254
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.976.937	(16.367.133.226)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.251.570.256	43.618.703.482
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		27.260.547.193	27.251.570.256

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu



Lê Thanh Hiếu



Trần Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH Một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây lắp, duy tu và sửa chữa các công trình;
- Cho thuê xe có động cơ, cho thuê máy móc và các đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ đô thị.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	06 – 08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí di dời bãi rác Tân Long;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố lại giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí cho vay và đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
01. Tiền		
- Tiền mặt	46.633.451	31.346.861
- Tiền gửi ngân hàng	27.213.913.742	9.202.859.765
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	27.260.547.193	9.234.206.626
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu về cổ phần hóa	315.600.000	183.600.000
- Phải thu khác	269.822.549	296.948.436
+ Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Quế Lâm	238.719.000	238.719.000
+ Khác	31.103.549	58.229.436
Cộng	585.422.549	480.548.436
03. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	109.700.016	1.091.647.024
- Công cụ, dụng cụ	-	89.750.779
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	329.989.684	531.972.705
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	439.689.700	1.713.370.508
04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	92.284.106	-
Cộng	92.284.106	-
05. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	759.162.600	846.633.000
Cộng	759.162.600	846.633.000

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	22.847.787.708	3.424.779.223	59.471.603.801	49.710.000	1.248.822.850	87.042.703.582
- Mua trong năm	-	-	6.605.550.908	-	-	6.605.550.908
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	55.142.522	-	-	-	-	55.142.522
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	(3.652.589.490)	-	-	-	(1.248.822.850)	(4.901.412.340)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.192.389.105)	(878.341.371)	(17.667.590.522)	-	-	(20.738.320.998)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.057.951.635	2.546.437.852	48.409.564.187	49.710.000	-	68.063.663.674
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.303.535.895	1.895.902.867	36.151.596.194	11.046.667	1.247.135.350	46.609.216.973
- Khấu hao trong năm	448.584.308	309.038.574	4.456.760.784	7.732.667	-	5.222.116.333
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	(1.162.558.132)	-	-	-	(1.247.135.350)	(2.409.693.482)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.192.389.105)	(480.008.807)	(17.628.462.337)	-	-	(20.300.860.249)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.397.172.966	1.724.932.634	22.979.894.641	18.779.334	-	29.120.779.575
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	15.544.251.813	1.528.876.356	23.320.007.607	38.663.333	1.687.500	40.433.486.609
2. Tại ngày cuối năm	12.660.778.669	821.505.218	25.429.669.546	30.930.666	-	38.942.884.099

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	6.200.290.900	6.200.290.900
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	(4.143.119.500)	(4.143.119.500)
<i>Số dư cuối năm</i>	2.057.171.400	2.057.171.400
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	6.200.290.900	6.200.290.900
2. Tại ngày cuối năm	2.057.171.400	2.057.171.400

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Dự án điểm trung chuyển rác 721	17.637.282.900	16.285.177.180
+ Dự án bãi rác Tân Long	15.083.652.112	3.546.416.249
+ Dự án điểm trung chuyển rác hẻm 190 đường 30/4	7.340.253.000	7.769.688.461
+ Dự án lắp đặt sử dụng lò đốt rác y tế	1.793.206.478	859.355.902
Cộng	41.854.394.490	28.460.637.792

09. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.252.411.376	2.615.205.849
- Chi phí di dời bãi rác Tân Long	3.542.556.668	3.542.556.668
- Vành đai cây xanh bãi rác Tân Long	110.759.168	110.759.168
- Lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa	2.427.574.707	2.427.574.707
Cộng	7.333.301.919	8.696.096.392

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	1.932.256.483	27.192.336
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.727.678	1.720.775.608
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.555.923
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.845.778	-
Cộng	2.232.829.939	1.785.523.867

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	24.727.290	37.611.840
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.534.841.808	910.635.459
+ Dự án lắp đặt thử nghiệm lò đốt rác y tế	206.520.500	224.218.000
+ Bảo hành tạm giữ 5% xây lắp - Dự án hầm 190	139.607.000	248.504.000
+ Tạm giữ 5% giá trị bảo hành bãi xử lý chất thải rắn Tân Long	336.204.000	336.204.000
+ Tạm giữ 5% GT BH CT xây lắp 721 Trần Phú	765.916.900	-
+ Tạm giữ 5% bảo hành HM xây lắp ô rác số 8 của Cty Việt Úc	123.970.000	-
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện	2.867.242.478	-
+ Phải trả khác	95.380.930	101.709.459
Cộng	<u><u>4.559.569.098</u></u>	<u><u>948.247.299</u></u>

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	56.881.417.672	12.120.112.078	6.008.461.451	3.495.222.244	4.682.654.787	-	24.061.943.754	107.249.811.986
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	12.889.341.583	12.889.341.583
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.773.493.258	-	1.773.493.258
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(914.004.622)	-	(914.004.622)
Giảm vốn trong năm	-	(7.612.870.403)	-	-	(183.631.000)	-	(398.332.564)	(8.194.833.967)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	56.881.417.672	4.507.241.675	6.008.461.451	3.495.222.244	4.499.023.787	859.488.636	36.552.952.773	112.803.808.238

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	56.881.417.672	56.881.417.672
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	56.881.417.672	56.881.417.672

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.881.417.672	59.147.875.764
+ Vốn góp tăng trong năm	-	13.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	2.279.458.092
+ Vốn góp cuối năm	56.881.417.672	56.881.417.672
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.910.083.014	152.102.177.016
Cộng	115.910.083.014	152.102.177.016

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	1.300.000	6.200.000
Cộng	1.300.000	6.200.000

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	115.908.783.014	152.095.977.016
Cộng	115.908.783.014	152.095.977.016

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.854.363.774	120.861.534.932
Cộng	102.854.363.774	120.861.534.932

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.099.528.695	1.895.430.174
Cộng	1.099.528.695	1.895.430.174

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	38.658.713	
Cộng	38.658.713	-

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	859.488.636	830.752.271
- Thu thanh lý vật tư	274.645.023	-
- Thu nhập khác	329.028.577	891.760.001
Cộng	1.463.162.236	1.722.512.272

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	806.048.389
- Giá trị của nguyên vật liệu thanh lý	333.467.136	-
- Giá trị tài sản trên đất UBND thành phố Cần Thơ thu hồi	-	276.738.088
- Chi phạt hành chính	24.600.000	227.065.661
- Chi phí khác	392.810.418	136.636.754
Cộng	750.877.554	1.446.488.892

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	361.756.330	4.169.527.074
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		532.160.735
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	361.756.330	4.701.687.809

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.135.249.588	16.324.355.634
Các khoản điều chỉnh tăng	368.586.001	353.752.660
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>368.586.001</i>	<i>353.752.660</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	859.488.636	-
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản chờ thanh lý trả về nhà nước</i>	<i>859.488.636</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	1.644.346.953	16.678.108.294
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN	361.756.330	4.169.527.074
Thuế TNDN được giảm	-	-
Truy thu thuế TNDN của các năm trước	-	532.160.735
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	361.756.330	4.701.687.809

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.356.093.184	25.132.092.681
- Chi phí nhân công	26.621.829.585	50.381.994.184
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.158.209.472	6.922.595.459
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.369.186.426	28.492.541.596
- Chi phí khác bằng tiền	13.839.386.402	15.970.389.311
Cộng	115.344.705.069	126.899.613.231

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	50.922.680.948	51.144.359.948	221.679.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>				
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(221.679.000)	-	221.679.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	77.782.050.242	83.790.511.693	6.008.461.451
<i>II. Tài sản cố định</i>				
<i>1. Tài sản cố định hữu hình</i>				
- Nguyên giá	221	36.955.605.935	40.433.486.609	3.477.880.674
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222	85.124.921.774	87.042.703.582	1.917.781.808
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(48.169.315.839)	(46.609.216.973)	1.560.098.866
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.200.290.900	6.200.290.900	-
- Nguyên giá	228	6.200.290.900	6.200.290.900	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	28.460.637.792	28.460.637.792	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	6.165.515.615	8.696.096.392	2.530.580.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.165.515.615	8.696.096.392	2.530.580.777
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	101.019.671.535	107.249.811.986	6.230.140.451
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>				
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	11.898.433.078	12.120.112.078	221.679.000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	6.008.461.451	6.008.461.451

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.260.547.193	-	27.251.570.256	27.251.570.256
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.193.426.533	-	20.478.507.019	20.478.507.019
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	37.453.973.726	-	47.730.077.275	47.730.077.275

Giá trị sổ sách

Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
4.018.917.665	730.173.632	4.018.917.665	730.173.632
-	-	-	-
-	-	-	-
4.542.841.808	1.298.023.459	4.542.841.808	1.298.023.459
8.561.759.473	2.028.197.091	8.561.759.473	2.028.197.091

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán			
Vay và nợ			
Chi phí phải trả			
Các khoản phải trả khác			
Cộng			

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.018.917.665	-	-	4.018.917.665
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	4.534.841.808	8.000.000	-	4.542.841.808
Cộng	<u>8.553.759.473</u>	<u>8.000.000</u>	-	<u>8.561.759.473</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	730.173.632	-	-	730.173.632
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	910.635.459	387.388.000	-	1.298.023.459
Cộng	<u>1.640.809.091</u>	<u>387.388.000</u>	-	<u>2.028.197.091</u>

05. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố lại giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ chi tiết theo thuyết minh VIII.01.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng

Lê Thanh Hiếu

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Giám đốc



Trần Thanh Phong

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
I- Thuế	10	1.785.523.867	5.352.299.484	4.997.277.518	2.140.545.833
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	27.192.336	4.571.511.855	2.666.447.708	1.932.256.483
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12				-
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13				-
4. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	14				-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	1.720.775.608	361.756.330	1.784.804.260	297.727.678
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	37.555.923	110.730.476	240.570.505	(92.284.106)
7. Thuế tài nguyên	17				-
8. Thuế nhà đất	18	-	10.578.144	10.578.144	-
9. Tiền thuê đất	19		292.722.679	289.876.901	2.845.778
10. Các loại thuế khác	20		5.000.000	5.000.000	-
II- Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3. Các khoản phải nộp khác	33	-	-	-	-
Tổng cộng	40	1.785.523.867	5.352.299.484	4.997.277.518	2.140.545.833

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong